

Số: 211/2023/ĐA-CĐSP

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 4 năm 2023

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023

### I. Thông tin chung

1. Tên trường: Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn.

2. Mã trường: C10.

3. Địa chỉ các trụ sở:

- Cơ sở 1 (Trụ sở chính): Số 9, khối Đèo Giang, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;

- Cơ sở 2: Số 148, đường Nguyễn Du, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website): [www.lce.edu.vn](http://www.lce.edu.vn).

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo:

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02056.250.356; 02053.812.083.

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://lce.edu.vn/ket-qua-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-2022/>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên					
Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	100	40	22	86%
<b>Tổng</b>		<b>100</b>	<b>40</b>	<b>22</b>	<b>86%</b>

## 8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<https://lce.edu.vn/562qd-cdsp-cong-nhan-ket-qua-nhap-hoc-trinh-do-cd-gdmn-dot-1-nam-2021/>

<https://lce.edu.vn/603qd-cdsp-cdsp-cong-nhan-ket-qua-nhap-hoc-trinh-do-cd-gdmn-dot-2-nam-2021/>

<https://lce.edu.vn/512-qd-cdsp-cong-nhan-ket-qua-nhap-hoc-khoi-dao-tao-giao-vien-dot-2-nam-2022/>

<https://lce.edu.vn/492-qd-cdsp-cong-nhan-ket-qua-nhap-hoc-khoi-dao-tao-giao-vien-dot-1-nam-2022/>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Xét tuyển, xét tuyển kết hợp thi tuyển năng khiếu.

### 8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	<b>Lĩnh vực 1/Đào tạo giáo viên/Giáo dục Mầm non</b>							
	Ngữ văn, GDCD, Năng khiếu	Xét kết quả học tập THPT	80	20	21.40	70	24	23.72
	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu			7	21.00		3	21.38
	Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu			11	19.80		7	24.05
	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu			1	23.75			
<b>Tổng</b>		<b>80</b>	<b>39</b>		<b>70</b>	<b>34</b>		

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
2	<b>Lĩnh vực 1/Đào tạo giáo viên/Giáo dục Mầm non</b>							
	Ngữ văn, GDCD, Năng khiếu	Xét điểm thi tốt nghiệp THPT	20	12	22.75	30	5	22.25
	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu						1	21.45
	Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu							
	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu							
<b>Tổng</b>		<b>20</b>	<b>12</b>		<b>30</b>	<b>6</b>		

## 9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo: <https://lce.edu.vn/giay-phep-dao-tao-7-329-cdsp-gd-mam-non-2002/>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Giáo dục Mầm non	51140201	329/QĐ-BGDĐT-ĐH	17/01/2002			Bộ GDĐT	2002	2022

## 10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử: <https://lce.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-2023/>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://lce.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-2023/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử: <https://lce.edu.vn/ban-hanh-Quy-che-tuyen-sinh-trinh-do-cd-nganh-gdmm/>

## II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

### 1. Tuyển sinh chính quy cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh thuộc khu vực Bắc bộ.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

1.4. Chi tiêu tuyển sinh: Chi tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (đồng/khán)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	100	Xét điểm thi tốt nghiệp THPT/THPTQG	18	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	Ngữ văn	Ngữ văn, Địa lý, GDĐC	Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, GDĐC	Ngữ văn	Ngữ văn, Toán, GDĐC	Ngữ văn
				200	Xét kết quả học tập cấp THPT	22	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	Ngữ văn	Ngữ văn, Địa lý, GDĐC	Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, GDĐC	Ngữ văn	Ngữ văn, Toán, GDĐC	Ngữ văn

### 1.5. Ngưỡng đầu vào:

- Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

- Xét tuyển sử dụng điểm học tập THPT: Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên.

### 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Tên trường: Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn; Mã trường: C10.

- Địa chỉ các trụ sở:

+ Cơ sở 1 (Trụ sở chính): Số 9 Khối Đèo Giang, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

+ Cơ sở 2: Số 148, Đường Nguyễn Du, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Điện thoại: 02056.250.356, 02053.812.083; Email: bants.c10@moet.edu.vn

- Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website): www.lce.edu.vn.

- Mã phương thức xét tuyển:

+ Xét điểm thi tốt nghiệp THPT/THPTQG: 100.

+ Xét kết quả học tập cấp THPT: 200.

- Tổ hợp xét tuyển:

(1) Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý;

(2) Ngữ văn, Địa lí, GDCD;

(3) Ngữ văn, Lịch sử, GDCD;

(4) Ngữ văn, Toán, GDCD.

- Tiêu chí xét tuyển:

+ Đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định;

+ Xét kết quả học tập cấp THPT: Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình học tập 03 kỳ: Kỳ 1, kỳ 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12 các môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có);

+ Xét điểm thi tốt nghiệp THPT/THPTQG: Điểm xét tuyển là điểm thi tốt nghiệp THPT 2023 các môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng (nếu có).

+ Không tính điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển.

+ Ưu tiên xét tuyển thí sinh có điểm môn Ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển có điểm cao hơn khi thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau (nếu thí sinh có điểm môn Ngữ văn bằng nhau thì ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển cao hơn).

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT): Đối với đợt bổ sung
- + *Phiếu đăng ký xét tuyển (Xét điểm thi tốt nghiệp THPT/THPTQG; Xét kết quả học tập cấp THPT);*
- + *Bản sao chứng thực Bằng hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT;*
- + *Bản sao chứng thực Học bạ THPT (Xét kết quả học tập cấp THPT), chứng nhận điểm thi tốt nghiệp THPT (Xét điểm thi tốt nghiệp THPT/THPTQG);*
- + *Các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có);*
- + *01 ảnh 4x6cm hoặc 3x4cm (mặt sau ghi rõ họ tên, ngày sinh).*

## 1.7. Tổ chức tuyển sinh:

### 1.7.1. Thời gian nhận hồ sơ

- Đợt xét tuyển chung: Theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT;
- Đợt bổ sung: Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển nhập học đợt xét tuyển chung, trường sẽ thông báo nhận hồ sơ ĐKXT và tổ chức xét tuyển các đợt bổ sung tiếp theo. Kết thúc xét tuyển trước ngày 31/12/2023.

### 1.7.2. Hình thức, địa điểm nhận hồ sơ ĐKXT:

- Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:
- + Đợt xét tuyển chung: Thí sinh ĐKXT trực tuyến trên hệ thống phần mềm quản lý tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- + Đợt bổ sung:
  - 1) *Nộp trực tiếp tại văn phòng tuyển sinh trường CĐSP Lạng Sơn;*
  - 2) *Chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Ban tuyển sinh trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, Số 9, Khối Đèo Giang, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.*
  - 3) *Đăng ký xét tuyển trực tuyến theo hướng dẫn trên Website [lce.edu.vn](http://lce.edu.vn) mục Tuyển sinh 2023 và gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ trên (không cần nộp phiếu ĐKXT).*
- Địa điểm nhận hồ sơ ĐKXT
  - + *Cơ sở 1 (Trụ sở chính): Số 9 Khối Đèo Giang, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.*
  - + *Cơ sở 2: Số 148, Đường Nguyễn Du, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.*

## 1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

- Thực hiện theo các quy định hiện hành của GD&ĐT;
- Thí sinh thuộc diện ưu tiên (khu vực, đối tượng) được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển, điểm ưu tiên được xác định theo công thức:  $\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định};$

- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng không phải đăng ký xét tuyển, chỉ cần nộp hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- Đợt xét tuyển chung: Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến theo quy định.
- Đợt bổ sung: 25.000đ/hồ sơ (dự kiến).

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí dự kiến: 350.000đ/tháng; Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Tăng 15%, tính từ năm thứ hai.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Đợt xét tuyển chung: Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đợt bổ sung: Từ 07/9/2023 đến 15/11/2023.

1.12. Trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp rủi ro sau:

- Việc đăng ký xét tuyển qua hình thức trực tiếp hoặc chuyển phát bị thất lạc hồ sơ sau khi xác minh từ các bên liên quan;

- Các rủi ro về kỹ thuật liên quan đến quá trình nhập dữ liệu đăng ký xét tuyển làm sai lệch kết quả;

- Các rủi ro về thông báo thông tin xét tuyển, trúng tuyển đến thí sinh;

- Các rủi ro khách quan liên quan đến quá trình bảo quản hồ sơ xét tuyển, trúng tuyển của thí sinh;

Các trường hợp khác, tùy mức độ, do Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng tuyển sinh xem xét, giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh.

1.13. Tài chính:

1.13.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường

Ngân sách nhà nước cấp: 25.946.000.000đ (Bằng chữ: Hai mươi năm tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu đồng); Nguồn thu hợp pháp khác (dự kiến): 6.010.000.000đ (Bằng chữ: Sáu tỷ không trăm trăm mười triệu đồng).

1.13.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh:

22.152.109đ (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu một trăm năm mươi hai nghìn một trăm lẻ chín đồng).

1.14. Các nội dung khác:

Sinh viên được hưởng các chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ thủ tục vay vốn tín dụng, bố trí chỗ ở kí túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học khi đảm bảo các điều kiện theo quy định hiện hành./.

**CÁN BỘ KÊ KHAI**



**Lương Ánh Chung**  
Điện thoại: 0948.144.441  
Email: [luonganhchung@gmail.com](mailto:luonganhchung@gmail.com)

**HIỆU TRƯỞNG**



  
**Phùng Quý Sơn**

- Vụ GDĐH (b/c);
- HT, PHT (b/c);
- Các đơn vị trong trường (t/h);
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu: VT, QLĐT&HTQT.



Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng



CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		116
1	Cao đẳng chính quy		116
1.1	Chính quy	5140201	116

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 4,56 ha

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên : 960 chỗ ở

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	78	3412
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	705
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	150
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	43	2500
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	12	392
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	1	70
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	39	858
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	339
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	8	416
	<b>Tổng</b>	<b>185</b>	<b>8842</b>

3. Danh sách giảng viên

Danh sách giảng viên toàn thời gian tính đến ngày 31/12/2022

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy
1	Bé Diệu Hồng		Thạc sĩ	Văn học nước ngoài	Giáo dục mầm non
2	Bùi Ngọc Hà		Thạc sĩ	Toán học	Giáo dục mầm non
3	Cao Thanh Sơn		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình	Giáo dục mầm non
4	Chu Bích Thảo		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo dục mầm non
5	Chu Thị Điềm		Đại học	Giáo dục Thể chất	Giáo dục mầm non
6	Đàm Minh Việt		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục mầm non

7	Đào Cẩm Vân		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục mầm non
8	Đinh Thị Tình		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục mầm non
9	Đỗ Thị Xuyên		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
10	Dương Anh Tuấn		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục mầm non
11	Dương Chí Dũng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục mầm non
12	Hà Kim Toàn		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục mầm non
13	Hà Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục mầm non
14	Hoàng Kim Thúy		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục mầm non
15	Hoàng Mạnh Tùng		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục mầm non
16	Hoàng Thị Bích Diệp		Thạc sĩ	Văn học nước ngoài	Giáo dục mầm non
17	Hoàng Thị Thanh Thủy		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị	Giáo dục mầm non
18	Hoàng Thu Phương		Thạc sĩ	Giáo dục Chính trị	Giáo dục mầm non
19	Hoàng Thu Thủy		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Giáo dục mầm non
20	Hoàng Văn Cán		Thạc sĩ	Luật	Giáo dục mầm non
21	Hoàng Văn Điềm		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo dục mầm non
22	Lê Minh Thắng		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong GD	Giáo dục mầm non
23	Lê Thị Minh Thi		Tiến sĩ	Giáo dục học	Giáo dục mầm non
24	Lê Thị Thanh Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục mầm non
25	Lô Mai Lan		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
26	Lương Ánh Chung		Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Giáo dục mầm non
27	Lưu Thị Minh Huyền		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục mầm non
28	Lý Thị Hương		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục mầm non
29	Mai Thị Bình		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục mầm non
30	Mông Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Lịch sử	Giáo dục mầm non
31	Nguyễn Các Tâm		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục mầm non
32	Nguyễn Minh Tâm		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục mầm non
33	Nguyễn Quốc Khánh		Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Giáo dục mầm non
34	Nguyễn Thế Dương		Thạc sĩ	Toán học	Giáo dục mầm non
35	Nguyễn Thị Hòa		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục mầm non
36	Nguyễn Thị Hợi		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục mầm non
37	Nguyễn Thị Mai Hoa		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục mầm non
38	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục mầm non
39	Nguyễn Thị Phương Loan		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục	Giáo dục mầm non
40	Nguyễn Thị Thu Thảo		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục mầm non
41	Nguyễn Tuấn Trung		Đại học	Giáo dục Thể chất	Giáo dục mầm non
42	Nguyễn Văn Quý		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	Giáo dục mầm non
43	Nguyễn Văn Tân		Thạc sĩ	Âm nhạc	Giáo dục mầm non
44	Nhữ Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục mầm non
45	Phạm Thúy Hà		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục mầm non
46	Phùng Quý Sơn		Tiến sĩ	Lý luận văn học	Giáo dục mầm non
47	Tạ Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục mầm non
48	Tô Lan Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục mầm non
49	Trần Ngọc Quý		Thạc sĩ	Biên đạo múa	Giáo dục mầm non
50	Trần Thị Hiền		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục mầm non
51	Vi Hồng Thắm		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục mầm non
52	Vi Văn Hưng		Đại học	Sáng tác âm nhạc	Giáo dục mầm non
53	Vũ Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Sinh học	Giáo dục mầm non